

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết Khu dân cư lấn biển Trần Quang Khải - Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 68,68 ha

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Văn bản xác thực văn bản hợp nhất số 49/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 của Văn phòng Quốc hội về Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 và Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quy chuẩn xây dựng QCVN 01:2008/BXD ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 30/01/2008 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, tỷ lệ 1/5000;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 3/6/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc Quyết định chủ trương đầu tư Khu dân cư lấn biển Trần Quang Khải - Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia;

Căn cứ Thông báo số 1048/TB-SXD ngày 17/7/2019 của Hội đồng Kiến trúc Quy hoạch tỉnh về việc thông qua phương án Quy hoạch chi tiết Khu dân cư lấn biển Trần Quang Khải - Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia;

Căn cứ Biên bản về việc lấy ý kiến tham vấn cộng đồng về Nhiệm vụ và



Đồ án Quy hoạch chi tiết Khu đô thị lấn biển đường Trần Quang Khải, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1672/QĐ-UBND ngày 25/7/2019 về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu Khu đô thị lấn biển đường Trần Quang Khải, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, quy mô 116,45 ha, tỷ lệ 1/2.000;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết Khu dân cư lấn biển Trần Quang Khải - Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, quy mô 68,68 ha, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ các quy định hiện hành;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1573/TTr-SXD ngày 26/9/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết Khu dân cư lấn biển Trần Quang Khải - Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 68,68 ha, với nội dung như sau:

I. Phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực lập quy hoạch chi tiết

1. Phạm vi ranh giới

Phạm vi nghiên cứu lập Quy hoạch chi tiết được xác định như sau:

- Phía Tây Bắc giáp biển.
- Phía Đông Bắc giáp đường Tôn Đức Thắng.
- Phía Tây Nam giáp biển.
- Phía Đông Nam giáp biển.

2. Diện tích: 68,68 ha.

3. Tính chất: Là Khu đô thị mới lấn biển, bố trí các khu chức năng như Khu dân cư, thương mại, dịch vụ, công trình công cộng, công viên chuyên đề, quảng trường biển...

II. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

- Quy mô dân số 8.000 người.
- Chỉ tiêu đất ở trung bình 50 m²/người.
- Chỉ tiêu hạ tầng xã hội
 - + Đất giáo dục: 15 m²/chỗ.
 - + Đất y tế: 500 m²/1000 dân.
 - + Chợ (*siêu thị*): ≥ 0,2 ha/công trình.

+ Cây xanh đơn vị ở: $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$.

- Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

+ Cấp nước: 150 - 180 lít/người-ngđ.

+ Cấp điện: 1.100 - 2.100 kWh/người.năm.

+ Thu gom nước thải sinh hoạt: $\geq 80\%$ lượng nước cấp.

+ Lượng thải chất thải rắn: 1,3 kg/người-ngày.

+ Tỷ lệ thu gom chất thải rắn: 100% lượng nước thải.

III. Cơ cấu sử dụng đất

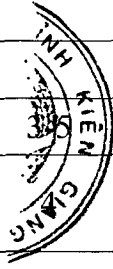
Tổng diện tích toàn khu đất lập Đồ án quy hoạch rộng 686.845,29 m², được cơ cấu sử dụng đất như sau:

STT	Chức năng sử dụng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	ĐẤT Ở	279.738,40	40,73
1	Biệt thự	66.670,73	9,71
1.1	Biệt thự đơn lập	36.204,73	5,27
1.2	Biệt thự song lập	30.466,00	4,44
2	Nhà phố	102.740,76	14,96
2.1	Nhà phố thương mại 1	15.128,00	2,20
2.2	Nhà phố thương mại 2 - song lập (Shophouse 2)	19.196,00	2,79
2.3	Nhà phố thương mại 3 (Shophouse 3)	33.412,00	4,86
2.4	Nhà phố thương mại 4	17.136,00	2,49
2.5	Nhà phố thương mại 5	17.868,76	2,60
3	Nhà chung cư	51.980,18	7,57
4	Nhà ở xã hội	58.346,73	8,49
II	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	32.092,93	4,67
III	ĐẤT CÂY XANH	99.735,45	14,52
1	Cây xanh công cộng	50.932,77	7,42
2	Cây xanh chuyên đề	33.492,45	4,87
3	Cây xanh quảng trường	15.310,23	2,23
IV	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	25.470,88	3,71
1	Đất giáo dục	21.430,38	3,12
2	Đất y tế	4.040,50	0,59
V	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	6.119,28	0,89

1	Đất xử lý nước thải	5.569,28	0,81
2	Trạm biến áp	550,00	0,08
VI	ĐẤT GIAO THÔNG	243.688,35	35,48
1	Đất giao thông	241.642,41	35,18
2	Bãi xe	2.045,94	0,30
TỔNG		686.845,29	100,00

IV. Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, giải pháp tổ chức không gian kiến trúc, thiết kế đô thị cho từng lô đất

1. Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị

STT	Chức năng	Kí hiệu	Số lô	Diện tích (m ²)	MĐXD tối đa từng ô đất (%)	Tầng cao xây dựng tối đa (tầng)
I	Đất ở			279.738,40		
1	Biệt thự			66.670,73		
1.1	Biệt thự đơn lập	BT1->BT6	96	36.204,73	50	
1.2	Biệt thự song lập 1	SL1->SL6	114	30.466,00	60	
2	Nhà phố			102.740,76		
2.1	Nhà phố thương mại 1- Shophouse 1	SH1->SH4	104	15.128,00	85	5
2.2	Nhà phố thương mại 2 - song lập - Shophouse 2	SH5->SH6	80	19.196,00	65	5
2.3	Nhà phố thương mại 3 - Shophouse 3	SH7>SH12	228	33.412,00	75	5
2.4	Nhà phố thương mại 4	P1->P4	128	17.136,00	75	4
2.5	Nhà phố thương mại 5	P5->P7	137	17.868,76	75	3
3	Nhà chung cư			51.980,18		
3.1	Chung cư	CC1		8.561,72	60	20
3.2	Chung cư	CC2		9.536,22	60	20

3.3	Chung cư	CC3		16.941,12	45	15
3.4	Chung cư	CC4		16.941,12	45	15
4	Nhà ở xã hội			58.346,73		
4.1	Nhà ở liền kề	S1->S12		44.279,41	90	3
4.2	Chung cư	S13		14.067,32	60	5
II	Đất dịch vụ thương mại			32.092,93		
1	Trung tâm thương mại dịch vụ, khách sạn, du lịch	TM1		5.426,25	60	5
2	Trung tâm thương mại dịch vụ, khách sạn, du lịch	TM2		10.712,88	60	9
3	Trung tâm thương mại dịch vụ, khách sạn, du lịch	TM3		2.761,00	80	3
4	Trung tâm thương mại dịch vụ, khách sạn, du lịch	TM4		2.761,00	80	3
5	Trung tâm thương mại dịch vụ	TM5		4.761,50	60	5
6	Trung tâm thương mại dịch vụ, khách sạn, du lịch	TM6		4.761,50	60	5
7	Thương mại dịch vụ, du lịch	TM7		908,80	60	2
III	Đất cây xanh			99.735,45		
1	Cây xanh công cộng			50.932,77		
1.1	Cây xanh khu ở	CX1->CX16		16.722,31	5	1
1.2	Công viên ven biển	CXB1->CXB8		34.210,46	5	1
2	Cây xanh chuyên đề			33.492,45		
2.1	Cây xanh thể dục thể thao	CXC1-CXC2		9.424,00	25	1
2.2	Công viên chuyên đề	CXCD1, CXCD2		24.068,45	25	1



3	Cây xanh quảng trường			15.310,23		
3.1	Quảng trường	QTB1		5.921,31	5	1
3.2	Quảng trường biển	QTB2		9.388,92	5	1
IV	Đất công trình công cộng			25.470,88		
1	Đất giáo dục	TH1-TH2		21.430,38	40	5
2	Đất y tế	YT		4.040,50	40	5
V	Đất hạ tầng kỹ thuật			6.119,28		
1	Đất khu xử lý nước thải	XLNT1, XLNT2		5.569,28	60	1
2	Trạm biến áp	TBA		550,00		
VI	Đất giao thông			243.688,35		
1	Đất giao thông			241.642,41		
2	Bãi xe	BX1-BX4		2.045,94		

(Mật độ xây dựng từng lô đất sẽ được thể hiện cụ thể trong Bản vẽ quy hoạch sử dụng đất và đảm bảo phù hợp theo QCVN 01:2008/BXD)

Lưu ý: Đối với các khu vực có tầng cao > 20 tầng (Chiều cao ≥ 45 m) thì phải có ý kiến bằng văn bản của Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu.

2. Giải pháp tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

- Tạo lập không gian sinh động, mang dấu ấn riêng của khu vực này, xây dựng các khu nhà ở, công trình công cộng và công trình thương mại dịch vụ với kiểu kiến trúc hiện đại. Bố trí các dãy nhà phải hạn chế tối đa việc che chắn tầm nhìn ra biển và đón gió từ biển thổi vào.

- Kết nối giao thông dựa trên các tuyến đường giao thông hiện hữu tại khu đô thị cũ (đường Tôn Đức Thắng, đường Hoàng Việt, đường Đào Duy Anh, đường Trần Đại Nghĩa là hướng kết nối chủ đạo cho khu đô thị), trục đường giao thông chính phân chia khu vực quy hoạch thành 2 khu vực kết hợp công viên ở giữa, nhiều chức năng quy hoạch phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương, góp phần tạo nên sự đa dạng cho Khu dân cư lấn biển Trần Quang Khải, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

- Hình thành trục không gian đi bộ liên tục từ quảng trường Trần Quang Khải về phía biển qua chuỗi công viên chuyên đề với không gian thoáng mát,

sinh động. Khai thác hình ảnh hiện đại, hài hòa cảnh quan thiên nhiên, tạo điểm nhấn về không gian kiến trúc cảnh quan cho toàn khu đô thị, đảm bảo chỉ tiêu và yêu cầu về không gian cây xanh, mặt nước, nâng cao chất lượng sống cho người dân trong đô thị.

- Hình thức và giải pháp kiến trúc phù hợp với điều kiện khí hậu địa phương, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, năng lượng sạch. Thiết kế độc đáo, tạo điểm nhấn, tạo được sự thống nhất giữa các công trình trong khu quy hoạch.

- Quy hoạch tuyến giao thông nối dài kết nối với các trục đường giao thông ven biển xuyên suốt toàn khu vực quy hoạch, kết nối các khu chức năng và không gian mở cho khu vực quy hoạch.

- Các khu vực trung tâm, khoảng mở, không gian có tầm nhìn quan trọng:

- + Khu vực trung tâm là điểm nhấn về không gian kiến trúc được xác định tại khu vực các khối nhà thương mại dịch vụ, có chiều cao từ thấp đến cao 5-9 tầng, công viên cây xanh và các khu vực quảng trường được bố trí giữa các trục đường chính (*đường Trần Đại Nghĩa và đường Tạ Quang Bửu*), tạo thành trục đường thương mại kết hợp công viên cây xanh và quảng trường biển, vừa góp phần làm tăng động lực phát triển kinh tế, thu hút đầu tư cho khu đô thị, vừa tạo điểm nhấn trục chính cho toàn khu vực quy hoạch, đây là khu vực tạo được tầm nhìn quan trọng nhất cho các khu chức năng. Công trình được thiết kế kiến trúc đẹp, hiện đại mang tính đặc trưng riêng.

- + Khu vực công viên cây xanh tập trung, các mảng cây xanh ven biển, quảng trường hướng biển rộng hình thành các không gian mở hướng biển, kết hợp giữa hệ thống cây xanh, đường đi dạo với không gian kiến trúc cảnh quan công trình xung quanh, góp phần làm tăng mảng xanh cho đô thị, cải thiện môi trường sống, tăng không gian công cộng phục vụ người dân trong đô thị. Trồng cây xanh, vườn hoa kết hợp với kiến trúc tiểu cảnh để phục vụ dân cư trong khu vực... hình thức tổ chức cây xanh đẹp, phong phú, bố trí lối ra vào thuận tiện và không làm hàng rào bao quanh tạo điều kiện thuận lợi cho sử dụng chung.

- + Hình thức kiến trúc các công trình hiện đại, màu sắc công trình, cây xanh sân vườn phù hợp với chức năng sử dụng của từng công trình và hài hòa với cảnh quan khu vực, đồng thời tạo được điểm nhấn về không gian. Trong các ô đất chức năng bố trí một số công trình như trạm điện, tủ cáp điện thoại, điểm thu gom rác... vị trí, quy mô, hành lang bảo vệ sẽ được xác định cụ thể ở giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng, tuân thủ theo đúng Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành.

- + Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật cần có giải pháp kiến trúc phù hợp, tránh làm ảnh hưởng đến cảnh quan chung của khu vực.

3. Thiết kế đô thị

- Đảm bảo tính thống nhất từ không gian tổng thể đến không gian cụ thể thuộc các khu nhà ở, các công trình. Có tính kế thừa kiến trúc, cảnh quan và phù

hợp với điều kiện, đặc điểm tự nhiên trong khu vực.

- Tuân thủ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, các chỉ tiêu sử dụng đất được xác lập trong các quy hoạch tổng mặt bằng.

- Tuân thủ các yêu cầu, quy định được xác lập theo tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

V. Nguồn cung cấp và giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật cho từng lô đất

1. Hệ thống giao thông

Tên đường	Mặt cắt	Lộ giới (m)	Vĩa hè (m)	Mặt đường (m)	Vĩa hè (m)	Giải phân cách (m)
Đường Hoàng Gia	4-4	15	4	7	4	
	1A-1A	12	0	8	4	
	5-5	16	4	8	4	
	13-13	7	0	7	0	
	2-2	13	3	7	3	
	2C-2C	13	2	7	4	
	3C-3C	17	0	15	2	
	6-6	17	8	7	2	
	3A-3A	14	4	7	3	
Đường Hoàng Gia 1A, Hoàng Gia 1B	9A-9A	22,5	5,5	12	5	
	9B-9B	37	20	12	5	
	10A-10A	23,5	7,5	12	4	
	10B-10B	27,5	11,5	12	4	
	8-8	20	4	12	4	
Đường Hoàng Gia 2A, Hoàng Gia 2B	5-5	16	4	8	4	
Đường Hoàng Gia 3	5-5	16	4	8	4	
	7-7	18	4	10	4	
Đường Hoàng Gia 4A, Hoàng Gia 4B, Hoàng Gia 6	4-4	15	4	7	4	
Đường Hoàng Gia 4C, Hoàng Gia 4D, Hoàng Gia 7, Hoàng Gia 8A, Hoàng Gia 9A, Hoàng	1-1	12	3	6	3	

Gia 10A						
Đường Hoàng Gia 5	7-7	18	4	10	4	
Đường Hoàng Gia 8B, Hoàng Gia 9B, Hoàng Gia 10B, Hoàng Gia 15A, Hoàng Gia 15B	2-2	13	3	7	3	
Đường Hoàng Gia 11A, Hoàng Gia 11B, Hoàng Gia 12A, Hoàng Gia 12B	3-3	14	4	6	4	
Đường Hoàng Gia 14A, Hoàng Gia 14B	2A-2A	13	4	6	3	
Đường Hoàng Việt nối dài	4A-4A	15	4	8	3	
	2B-2B	11	0	8	3	
	3B-3B	14	3	8	3	
	12-12	33	4	13	4	12
Đường Đào Duy Anh nối dài	3B-3B	14	3	8	3	
	12-12	33	4	13	4	
	4A-4A	15	4	8	3	
	1B-1B	12	4	8	0	
Đường Tạ Quang Bửu nối dài, Đường Trần Đại Nghĩa nối dài	11-11	30	6	18	6	



2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

2.1. San lấp

- Diện tích san lấp: 674.366,11 m².
- Tổng khối lượng san lấp: 4.091.056,39 m³.
- Cao độ thiết kế trung bình: +2,20 m (*Cao độ hoàn thiện +2,34 m*).
- Giải pháp đê, kè: Sử dụng phương án đê mềm bằng các túi vải địa kỹ thuật được bơm đầy cát, số lượng túi tùy theo độ sâu của khu vực lấn biển, bên ngoài gia cố bằng đá hộc.
- Vật liệu san lấp: Dự kiến là cát đen hoặc cát kết hợp với đất được vận chuyển từ nơi khác đến.

2.2. Quy hoạch thoát nước mưa

- Thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa là hệ thống công ngầm, theo chế độ tự chảy, nước mưa sẽ thoát theo từng lưu vực cụ thể và thoát từ nơi có

cao độ từ cao xuống nơi có cao độ thấp hơn và sau đó thoát ra biển.

- Khối lượng vật tư và giải pháp mạng lưới thoát nước mưa và san nền được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch san nền và thoát nước mưa.

3. Cấp nước

- Nguồn nước dự kiến lấy từ hệ thống cấp nước dọc trên đường Tôn Đức Thắng qua 2 vị trí đầu nối: tại đường Hoàng Việt và đường Đào Duy Anh cấp cho toàn khu vực quy hoạch.

- Tổng nhu cầu dùng nước khoảng: $2.750 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Khối lượng vật tư và giải pháp mạng lưới cấp nước được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch cấp nước.

4. Cấp điện và chiếu sáng đô thị

4.1. Cấp điện

- Nguồn điện lấy từ Trạm biến áp Rạch Giá. Khoảng cách từ ranh Dự án đến trạm 110 KV Rạch Giá khoảng 3 km. Hệ thống dây dẫn điện trong khu quy hoạch được thiết kế với giải pháp ngầm.

- Tổng công suất khoảng: 30.500 kVA.

- Toàn bộ đường dây điện trung và hạ thế được quy hoạch bố trí ngầm.

- Khối lượng vật tư và giải pháp mạng lưới cấp điện đô thị được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng.

4.2. Chiếu sáng

- Nguồn điện chiếu sáng được lấy từ các trạm hạ áp của trạm biến thế gần nhất. Toàn bộ đường dây điện chiếu sáng được quy hoạch bố trí ngầm.

- Đèn đường được bố trí trên dải phân cách giữa, hoặc trên vỉa hè, sử dụng loại đèn cao áp Sodium, 220V, công suất từ 70W đến 250W, hoặc đèn tiết kiệm điện có công suất từ 70W đến 150W ánh sáng màu vàng cam, đặt trên trụ kim loại. Hệ thống chiếu sáng phải đảm bảo vẽ mỹ quan phù hợp với quy hoạch chung của địa phương.

- Trụ đèn là loại trụ kim loại bố trí dọc theo lề đường, độ cao từ đèn đến mặt đường từ 6 đến 10 mét tùy thuộc độ rộng lòng đường, trụ đặt cách khoảng trung bình từ 3 đến 4 lần độ cao treo đèn.

5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

5.1. Thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước thải tách riêng với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải được thu gom và xử lý cục bộ tại công trình và hộ dân, sau khi xử lý sẽ thu gom về khu xử lý nước thải tập trung của khu quy hoạch. Nước thải sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra biển.

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt: Khoảng $1.550 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Sử dụng cống BTCT (D300, D400, D600 và D800) đưa nước thải về các trạm xử lý (gồm 2 trạm xử lý, nước thải chảy theo trọng lực, sử dụng cống HDPE để bơm nước thải).

5.2. Quản lý chất thải rắn

- Chất thải rắn được thu gom và chuyên chở đến điểm tập kết, sau đó được vận chuyển đến nhà máy xử lý tập trung của thành phố.

- Khối lượng vật tư và giải pháp mạng lưới thoát nước thải và vệ sinh môi trường được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

Hệ thống thông tin liên lạc cho khu quy hoạch sẽ được đầu nối vào mạng viễn thông của thành phố Rạch Giá.

Các tuyến cáp chôn ngầm trong hệ thống cống bể thông tin kết hợp thi công đồng bộ với công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Cống bể làm bằng bê tông cốt thép chôn ngầm dưới phần hoàn thiện của vỉa hè. Những vị trí lắp đặt cống cáp qua đường thì lắp trong ống nhựa PVC chịu lực chôn sâu trên 1m.

VI. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn: Lựa chọn thời gian vận chuyển thích hợp, hạn chế đi trong giờ cao điểm, tránh đi qua khu vực tập trung đông dân cư.

- Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải: Bố trí các hầm tự hoại tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom và xử lý. Bố trí lưới lọc rác trước các miệng cống thoát, nơi tiếp nhận nước mưa để tách rác. Các hố ga cũng sẽ được định kỳ nạo vét để tránh tắc nghẽn cống thoát nước. Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý sơ bộ bằng các cụm bể tự hoại ba ngăn tại các phân khu chức năng của dự án, trước khi dẫn về trạm xử lý nước thải.

- Giảm thiểu ô nhiễm do rác thải: Chủ đầu tư sẽ có biện pháp thu gom và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại.

- Biện pháp hạn chế tác động do thay đổi dòng chảy, xói lở, bồi lắng: Không xả các loại chất thải rắn và các loại nước thải ô nhiễm ra biển. Chủ đầu tư sẽ thường xuyên kiểm tra chất lượng tuyến kè biển, nhanh chóng phát hiện các hư hỏng và có giải pháp khắc phục kịp thời.

- Biện pháp khống chế ô nhiễm môi trường nước: Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh trên công trường sau mỗi ngày thi công, tiến hành thu gom rác thải và vật liệu xây dựng để tái sử dụng, xử lý phù hợp, phòng tránh ngập úng cục bộ và tác động xấu đến môi trường do nước mưa chảy tràn.

VII. Những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

- Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật chính gồm: Hệ thống kè, San lấp, hệ thống giao thông và các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khác (cấp điện, cấp nước, thoát nước,...) được đầu tư đồng bộ trong khu quy hoạch.

- Các hạng mục công trình hạ tầng xã hội gồm: Công trình cộng cộng, công viên cây xanh, y tế, giáo dục... từng bước được đầu tư trong khu quy hoạch.

- Nguồn vốn: Vốn doanh nghiệp và vốn khác.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá, Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường Kiên Giang và các sở, ngành có liên quan:

1. Hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố công khai quy hoạch để các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan biết và giám sát thực hiện.

2. Tổ chức quản lý không gian kiến trúc cảnh quan, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường Kiên Giang cùng các sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. / *Độc*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng (10 bản);
- Công báo tỉnh, Website Kiên Giang;
- LĐVP, P.KTTH, P.KTCN, P.TH;
- Lưu: VT, hvathien.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Anh Nhịn